

LĂNG ÔNG BÀ CHIỂU

VĂN CỐ DÂN TỘC
[04/2022]



LỜI NGỎ

Trải qua biết bao thăng trầm, Thành phố Hồ Chí Minh được biết đến là thành phố hoa lệ, hiện đại bậc nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, những giá trị cổ xưa vẫn không hề bị mất đi. Điển hình như di tích Lăng Ông Bà Chiểu là một bằng chứng xác thực về điều đó. Không chỉ có quy mô vô cùng lớn, các tác phẩm điêu khắc tinh tế đã khiến lăng Ông Bà Chiểu trở thành ngôi đền cổ có giá trị nghệ thuật được xem là bậc nhất ở thành phố Hồ Chí Minh.

Cuốn nghiên cứu này được biên soạn nhằm mục đích mang đến cho thế hệ trẻ những trải nghiệm về nét đẹp nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa,... mà các tiền nhân đã tâm huyết gây dựng nên, cụ thể là Lăng Ông Bà Chiểu – Lăng miếu mang kiến trúc cung đình Huế giữa lòng Sài Gòn.



MỤC LỤC

LỜI NGỎ	2
CHƯƠNG I : GIỚI THIỆU	8
1. Khái quát chung	10
2. Lăng Ông Bà Chiểu	12
	14
	15
	16
	17
	18
	20
	22
CHƯƠNG II : CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU	
1. Kiến trúc Lăng Ông Bà Chiểu	26
2. Sơ đồ vector	28
	30
	32
	34
3. Kiến trúc	36
	38
	40
	42
	44
	46
	48
	49
	50
	52
	54
	56
	60
	62
	64
	66
	68
	70
	71
	72
	74
4. Lăng Bình Giang Bá Võ Di Nguy	Tên & địa điểm
	76
	78
CHƯƠNG III : ỨNG DỤNG	
1. Danh sách thành viên	Bảng phân công
2. Họa tiết nhóm	Tả thực Vector chi tiết
3. Họa tiết cá nhân	Đôi lời cảm nhận Tả thực cá nhân
LỜI KẾT	

I. GIỚI THIỆU

KHAI QUÁT CHUNG

Lăng là một công trình kiến trúc ngoài trời được xây dựng bao quanh nơi chôn cất người mất. Lăng mộ có thể được xem là một dạng của mộ, mộ có thể chứa bên trong lăng mộ. Còn đền là công trình kiến trúc được xây dựng để thờ cúng một vị Thánh hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh. Ở Việt Nam, phổ biến nhất là các đền thờ được xây dựng để ghi nhớ công ơn của các anh hùng có công với đất nước hay công đức của một cá nhân với địa phương được dựng theo truyền thuyết dân gian.

Trong các thời kì phong kiến, tùy theo tầng lớp sinh tiền của người chết, nơi “an nghỉ cuối cùng” được gọi bằng những từ khác nhau. Lăng hay sơn lăng là chỗ tọa lạc cái “nhà vĩnh cửu” của vua, tẩm dành cho hoàng hậu, hoàng thân; tháp là nơi tôn trí xá lợi của các nhà sư, ngoài ra đều gọi chung là mộ, không phân biệt giàu nghèo sang hèn. Những cái tên gọi ấy phải được tôn trọng, vi phạm thì khó tránh khỏi hình phạt. Trong bảy tội mà triều đình Minh Mạng kê vào bản án Lê Văn Duyệt, chúng ta thấy có tội “tiếm gọi mộ mẹ là lăng” đủ chứng tỏ điều này.





TỔNG QUAN

Lăng Lê Văn Duyệt (Thượng Công miếu) được tọa lạc tại số 1 đường Vũ Tùng, phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thế nhưng Lăng Ông Bà Chiểu lại được bao quanh bởi tận 4 con đường đó là: Lê Văn Duyệt, Phan Đăng Lưu, Vũ Tùng và Trịnh Hoài Đức, ngay sát chợ Bà Chiểu.

Đây là khu đền và ngôi mộ đôi của Tả Quân Lê Văn Duyệt – Tổng trấn thành Gia Định lúc xưa và phu nhân là bà Đỗ Thị Phận. Ngoài lăng mộ của ông bà, còn có 2 ngôi mộ của hai cô hầu nằm bên ngoài khuôn viên lăng. Một mộ ở đường Trịnh Hoài Đức, mộ kia ở đường Lê Văn Duyệt (trong khuôn viên Trường Cán bộ TP.HCM). Tuy nhiên, nhiều người từ nơi khác thường nhầm lẫn rằng đây là lăng thờ ông và bà tên Chiểu. Thật ra, như có nói ở trên, lăng nằm cạnh chợ Bà Chiểu nên thường được gọi như vậy. Do tục lệ kiêng cử tên nên không biết từ lúc nào, người dân đã ghép hai từ “Lăng Ông” với hai từ “Bà Chiểu” để gọi địa điểm này.





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Năm 1835 sau sự biến thành Phiên An, Lê Văn Duyệt bị lên án và buộc tội đã gián tiếp gây nên biến loạn, vua Minh Mạng đã ra chỉ dụ san bằng mộ, trên dựng bia đá có khắc tám chữ Quyền yêm Lê Văn duyệt phục pháp xử (chỗ tên hoạn quan Lê Văn Duyệt chịu tội), theo Đại nam thực lục chính biên quốc sử quán triều Nguyễn.

Đến năm Tân Sửu (1841), vua Thiệu Trị lên ngôi cho dẹp bỏ trụ đá hải tội và đắp lại mộ. Năm đầu đời Tự Đức (1848), Đông Các đại học sĩ Võ Xuân Cẩn dâng sớ xin phục hồi quan tước, gia ơn cho con cháu các công thần, trong đó có Lê Văn Duyệt. Nhà vua xem sớ cảm động, truy phong cho cả ba ông và ban phẩm hàm cho con cháu họ. Lại cho đắp phần

mộ Lê Văn Duyệt ở Gia Định cao rộng thêm và cho sửa sang miếu thờ. Theo nhà văn Sơn Nam, thì sau đó dân làng Long Hưng đem trình quan sở tại một người cháu nội của Lê Văn Phong (em ruột Tả quân) tên Lê Văn Thi, bấy lâu sợ tội với triều đình nên mãi trốn tránh. Sau đó, ông được phép đến Bà Chiểu, lo việc chăm sóc Lăng Ông. Ngày nay, trong miếu vẫn thờ ông Thi làm Tiền hiền.

Ngày 06/12/1989, Bộ Văn hóa công nhận lăng Ông Bà Chiểu là di tích Lịch sử Văn hóa cấp quốc gia.

LỄ HỘI TÍN NGƯỠNG

Ý NGHĨA LỄ HỘI

NGÀY 1/1 ÂM LỊCH

Lễ chúc xuân

NGÀY 29/7 - 2/8 ÂM LỊCH

Lễ giỗ Tả quân Lê Văn Duyệt

NGÀY 7/1 ÂM LỊCH

Lễ Khai hạ - Cầu an

NGÀY 30/12 ÂM LỊCH

Lễ Thượng tiêu

NGÀY 1/1 ÂM LỊCH LỄ CHÚC XUÂN

Là một nét truyền thống đặc trưng của người Việt, thường diễn ra vào sáng sớm mừng 1 Tết, nhiều gia đình lại cùng nhau đi lễ nhằm ước nguyện một năm mới bình an, nhiều hạnh phúc.

NGÀY 1/1 ÂM LỊCH LỄ CHÚC XUÂN

Theo phong tục địa phương, cứ đến ngày mừng 7 Tết hàng năm, Ban Quản lý Lăng Tả quân Lê Văn tổ chức Lễ Khai hạ - Cầu an để người dân hạ nêu, khai bút, cầu cho mưa thuận gió hoà, công việc hanh thông. Lễ hội được chia làm nhiều phần khác nhau: hạ nêu, khai hạ, khai bút và khai ấn.

NGÀY 29/7 - 2/8 ÂM LỊCH LỄ GIỖ TẢ QUÂN

Lễ giỗ được cử hành theo nghi thức cấp tiểu cung đình triều Nguyễn, lễ tế do Ban Quý Tế Lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt thực hiện. Ngoài lễ tế, còn có lễ xây chầu - đại bội và lễ Tôn Vương, diễn những vở tuồng xưa để phụng cúng Đức Tả Quân và bá tánh thưởng thức.

NGÀY 30/12 ÂM LỊCH LỄ CHÚC XUÂN

Được gọi là lễ dựng nêu. Đây là truyền thống từ ngàn đời của người Việt Nam, lễ Thượng tiêu (dựng nêu) diễn ra trong không khí nghiêm trang, theo nghi thức truyền thống, hoạt động này đã được liên tục gần 200 năm qua.



BÀN THỜ

Bàn thờ có tổng cộng 12 cái, được bày trí như sau: tiền điện (1 cái), trung điện (6 cái), chánh điện (3 cái), đồng lang (1 cái), tây lang (1 cái).

Bàn thờ giữa chính điện là tượng Tả quân Lê Văn Duyệt, được đúc bằng đồng nguyên chất dựa trên mẫu chân dung của ông in trên tờ tiền 100 đồng lưu hành tại Sài Gòn trước năm 1975. Ngoài ra, bên phải thờ Đức quận công thiều phó Lê Chất, bên trái thờ Hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh Giản cùng với nhiều bài vị sắc thần khác.

Ý NGHĨA THỜ

Người dân Miền Nam tin rằng Đức Thượng Công rất linh hiển, luôn luôn phù hộ cho người dân trong vùng Ngài làm Tổng Trấn, giúp dân chúng vượt nhiều cảnh khó khăn khốn cùng khi họ đến cầu xin Ngài. Hằng năm không biết bao nhiêu người đã đến đây xin xăm, hái lộc, van vái cầu xin sự bình an và hạnh phúc cho gia đình mình.





Xin xăm Tà Quân là một trong những hình thức xin xăm khá phổ biến ở nước ta bên cạnh hình thức xin xăm Quan Âm, xin xăm Quan Thánh. Tuy nhiên, xin xăm Tà Quân lại mang một ý nghĩa khác với 2 loại xin xăm kia. Nếu như xin xăm Quan Âm, xin xăm Quan Thánh là xin về tài lộc thì xin xăm Tà Quân là xin về sức khỏe, bệnh tật hay còn gọi là “xăm thuốc”.

XIN XĂM



Tại Lăng Ông của quận Bình Thạnh. Để xin xăm Tà Quân, du khách có thể xin xăm tại khu nhà Hương, Trung Điện hoặc cũng có thể xin ở khu vực phía Tây Điện của Lăng Ông. Tuy nhiên, theo như tín ngưỡng của mọi người, khu vực nào càng gần nơi thờ tụng tượng quân Lê Văn Duyệt sẽ càng linh thiêng hơn, thần linh sẽ có thể quan sát rõ hơn từ đó rút xăm sẽ chính xác hơn. Cho nên, hầu hết mọi người đều mong muốn được xin xăm ở gần Chánh Điện.

Nơi được đặt nhiều ống xăm nhất tại Lăng Ông chính là khu vực nhà Hương. Tại đây du khách cùng các tăng ni – phật tử có thể nhìn thấy 1 chiếc giá sắt là nơi để 50 ống xăm. Ống xăm được sơn màu bạc trắng sáng, trong mỗi ống sẽ được đặt 100 thẻ xăm. Những thẻ xăm được làm hoàn toàn bằng tre vót mỏng và sơn màu vàng. Trên mỗi thẻ xăm được đề chữ nho cùng số thứ tự viết bằng số thông thường. Đi kèm mỗi thẻ xăm sẽ là một bài thơ kèm theo những phần dịch nghĩa với những ý nghĩa khác nhau về sức khỏe và bệnh tật. Nếu muốn hiểu hết được ý nghĩa trên mỗi thẻ xăm, các bạn có thể đến thỉnh với sư trụ trì, hoặc có thể dựa vào thực tế của bản thân mà chiêm nghiệm ra.



XIN KEO

Xin keo cũng phải theo thủ tục như xin xăm. trước nhất, đương sự phải quỳ hoặc ngồi bệt xuống chiếu xá vài cái, rồi quét 2 miếng gỗ hình bán nguyệt, mỗi miếng có một mặt phẳng và một mặt vòng, mang lên ngang trán, miệng lâm râm cầu khẩn. Khấn xong, người xin keo buông 2 miếng gỗ ra để cho rơi xuống mặt chiếu. Nếu được một mặt bằng và một mặt vòng, tức một Âm (ngửa) một Dương (xấp), có nghĩa là Thần đã công nhận quẻ xăm đương sự đã xin. Được Thần ý xác nhận giống như vậy, đương sự hết sức vui mừng, sẽ quỳ hoặc đứng mà lạy tạ 4 lạy. Nếu mà keo lên cả hai mặt bằng, tức 2 Âm; hoặc lên cả hai hình vòng, tức 2 Dương, nghĩa là Thần chưa xác nhận, cho nên đương sự phải xin keo lần nữa. Trường hợp tới lần thứ hai mà vẫn không được một Âm và một Dương, tức là ý Thần chưa định, phải khởi đầu lại, tức là phải xin lần nữa.

Các gia nhân Lăng Miếu kể rằng, có nhiều người lo âu khổ sở vì không xin được xăm và keo, nên đã phải trở lại nhiều lần, mỗi lần cách thức nhau cả tuần lễ, cho tới khi thỉnh được Thần ý mới thôi. Hầu hết các khách tới xin xăm, xin keo hoặc xin bùa, v.v., đều dâng cúng một ít tiền tùy ý và tùy theo khả năng. Tiền dâng cúng bỏ vào các tủ sắt kê hai bên Nhà Hương, Trung Điện và Tây Điện.

HIỆN TRẠNG THỰC TẾ



Ngày nay, hình tượng ngài Tả quân đã trở thành tín ngưỡng trong tâm thức của nhân dân Sài Gòn, miền Nam. Gần 200 năm qua, người dân đã nhiều lần đóng góp công sức, tiền của để tu sửa, tôn tạo khu mộ và đền thờ ông, hương khói thờ phụng với tất cả tấm lòng thành kính. Nơi đây, vì thế cũng trở thành điểm sinh hoạt tín ngưỡng, chốn linh thiêng của người Sài Gòn và các tỉnh miền Nam.

Tuy nhiên, do đây là một di tích đã có từ rất lâu cho nên không thể nào tránh khỏi những ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài, gây ra một số tổn hại nhất định đối với kiến trúc nơi đây. Ngoài ra, tình hình trộm cắp vẫn luôn rình rập xung quanh Lăng ông.



II. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

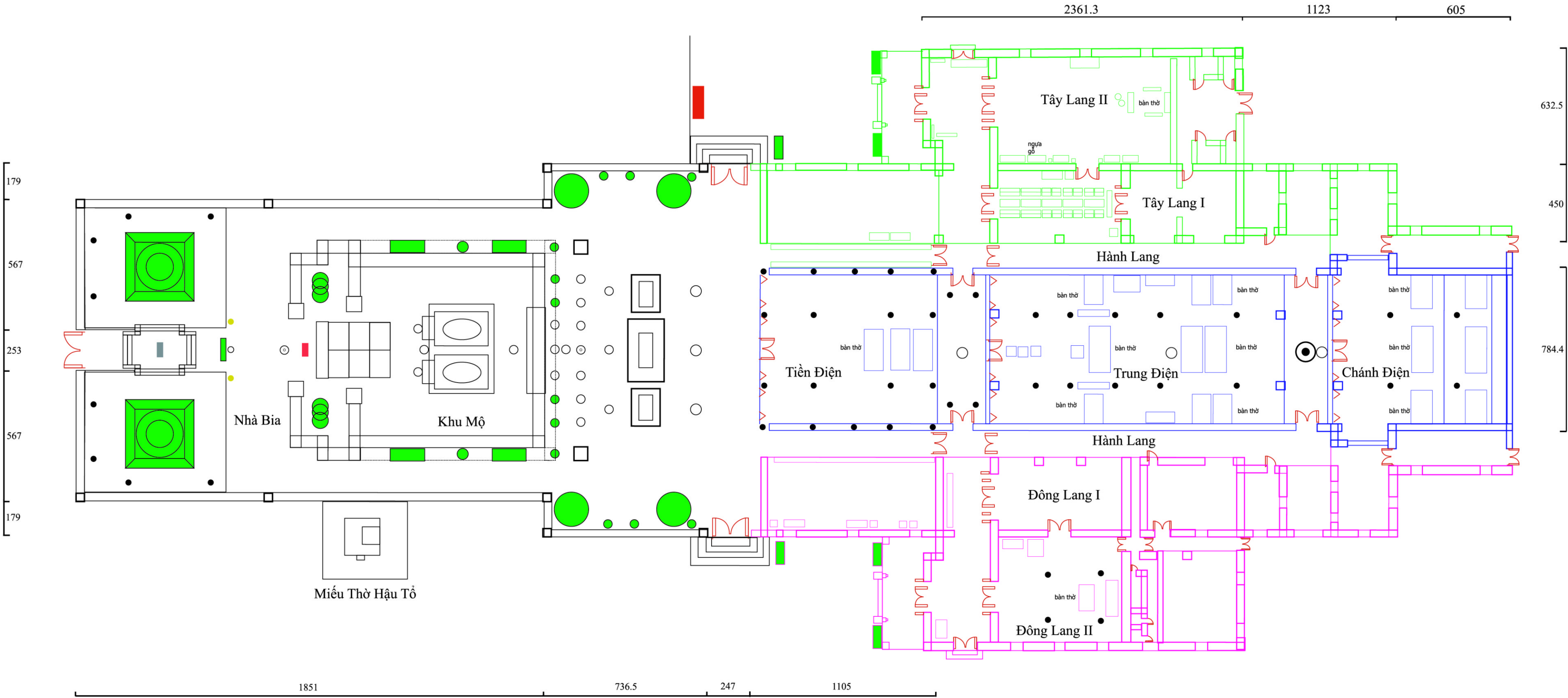
KIẾN TRÚC LĂNG ÔNG BÀ CHIỂU



Toàn bộ miếu lăng Ông Bà Chiểu nằm trong một khu đất rộng và cao với tổng diện tích là 18.500m². Tường bao quanh lăng dài 500m, cao 1.2m với 4 cổng theo 4 hướng ra 4 con đường là: Đình Tiên Hoàng, Phan Đăng Lưu, Trịnh Hoài Đức và Vũ Tùng. Với lối kiến trúc cổ xưa và chiều dài ấn tượng. Lăng Ông Bà Chiểu đi từ cổng Tam quan đi qua một khu vườn cảnh sẽ vào khu lăng chính, với 3 phần: nhà bia, mộ Tà quân cùng vợ và miếu thờ. Xung quang khuôn viên trồng rất nhiều cây cổ thụ như cây thốt nốt... có cây tuổi thọ lên đến 200 năm, kiến trúc đầu tiên xây dựng ở lăng ông là phần mộ song táng gồm có câu đối và đôi song long như muốn ca ngợi công đức thánh đức cao thâm của vị quan Lê Văn Duyệt . Từ vị trí lăng mộ ta có thể nhìn thấy được đền thờ, bố cục chính của đền thờ được chia làm ba gian thờ khác nhau theo thứ tự từ gian tiền đình,

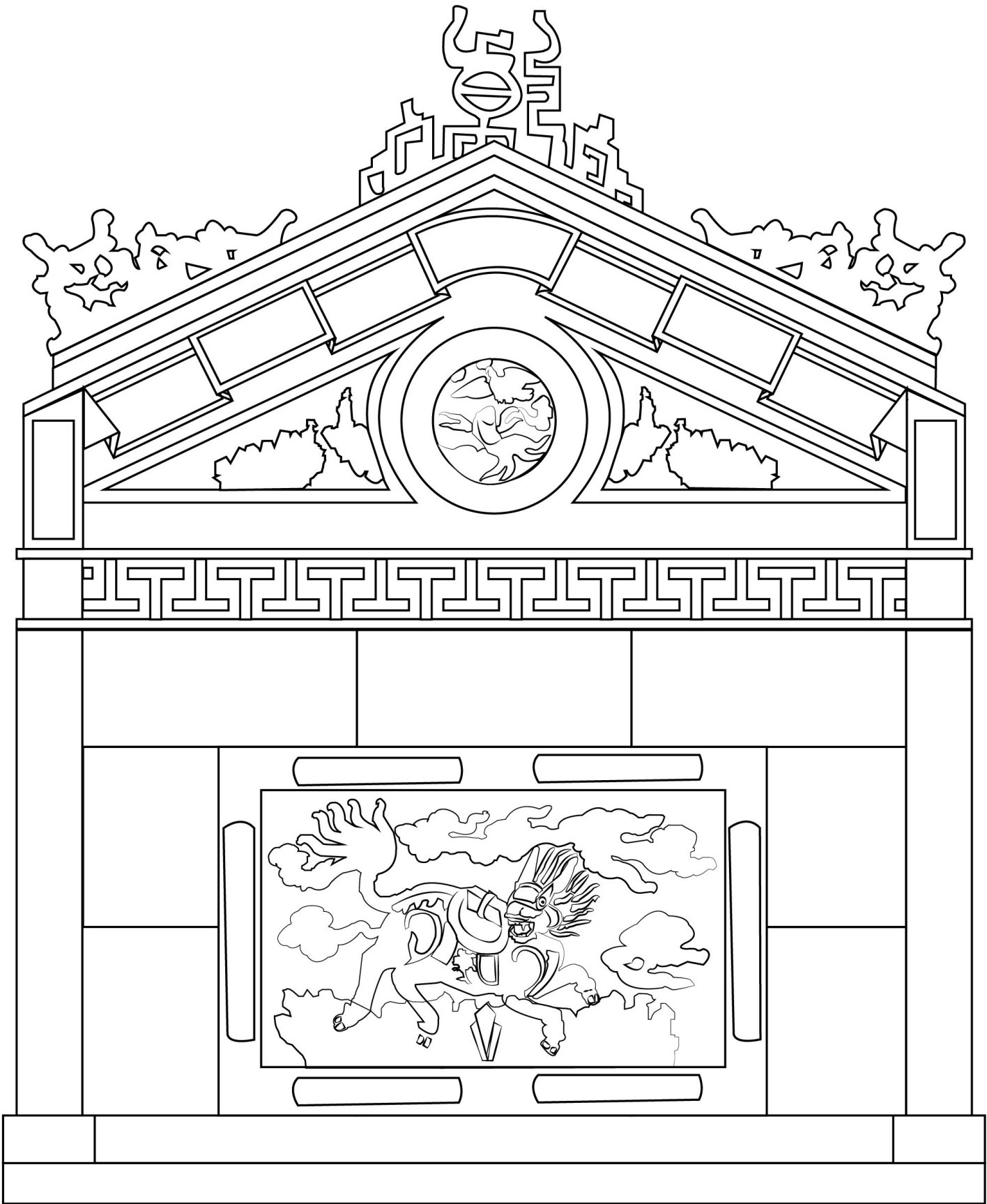
gian trung điện và gian chánh điện, lối điêu khắc ở ba gian này chủ yếu gồm long vân, hoa lá, ông nhật bà nguyệt, cá hoá long tất cả đều thể hiện được lối kiến trúc nhà Nguyễn trên mảnh đất Sài Gòn. Kiến trúc Lăng Ông Bà Chiểu là một công trình kiến trúc tín ngưỡng độc đáo linh thiêng của người dân sài gòn chính vì nhưng giá trị linh thiêng to lớn ấy mà kiến trúc Lăng Ông Bà Chiểu đã được Cấp quốc công nhận là di sản văn hoá.

SƠ ĐỒ VECTOR TỔNG QUÁT



- cột gỗ
- cây kiềng
- lư hương
- cột tường
- ⊙ giếng trời

SƠ ĐỒ VECTOR TÂY LANG



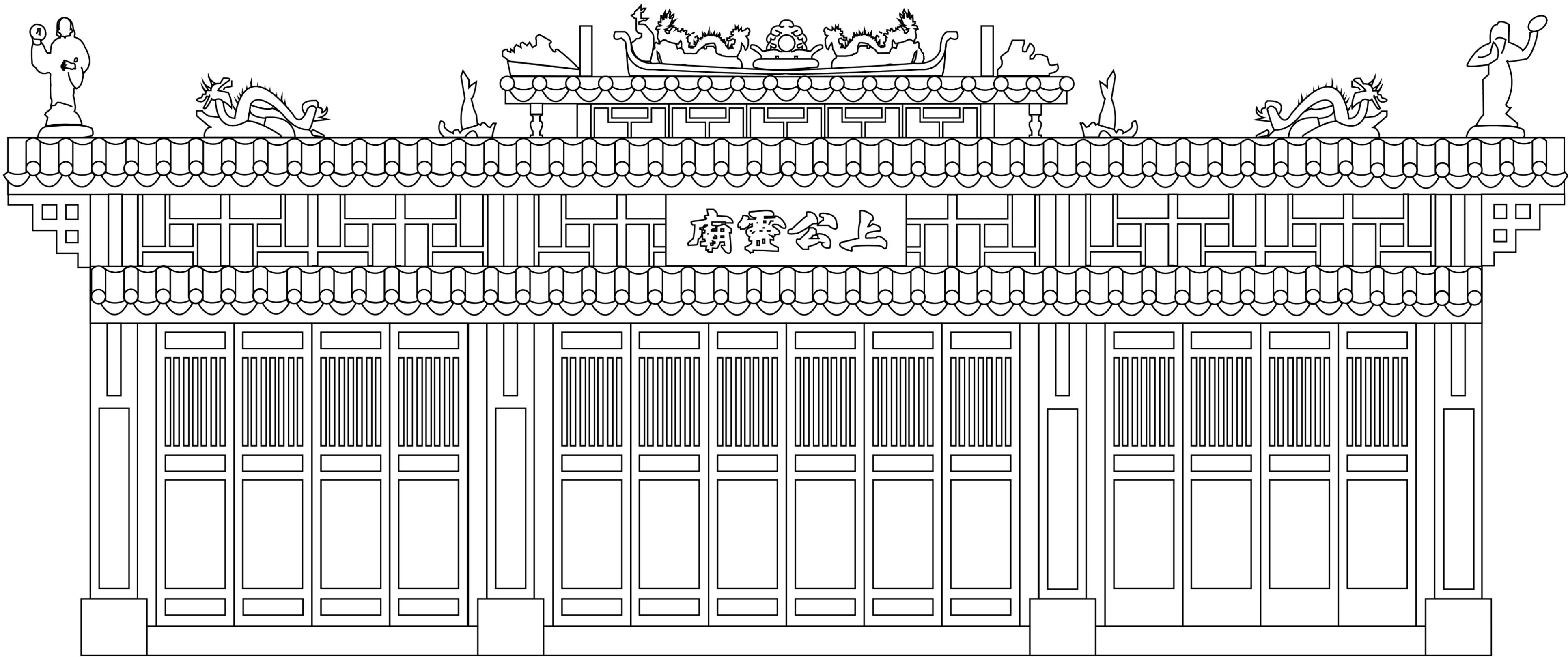
TÂY LANG I



TÂY LANG II

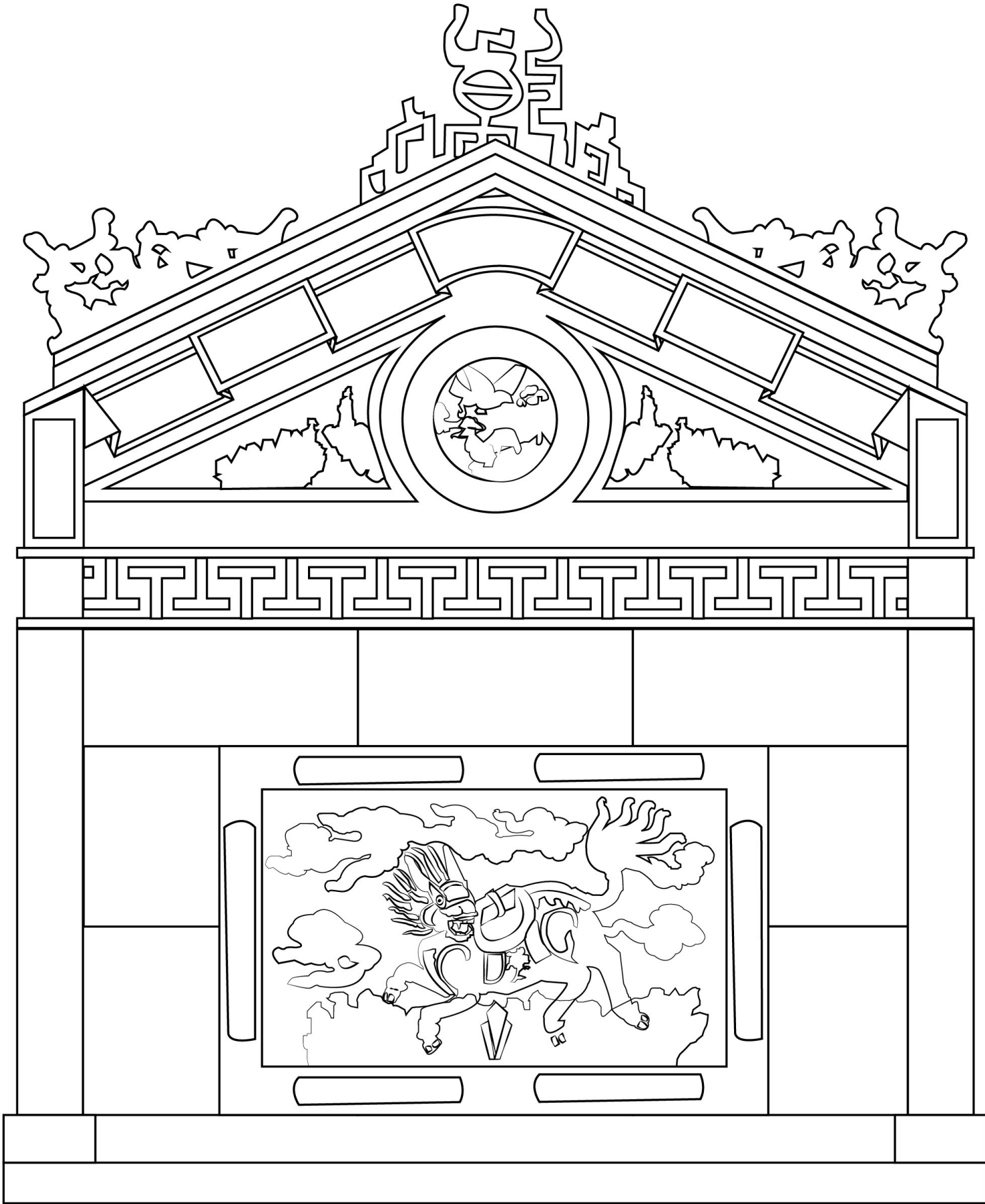
SƠ ĐỒ

VECTOR GIAN TIỀN ĐIỆN

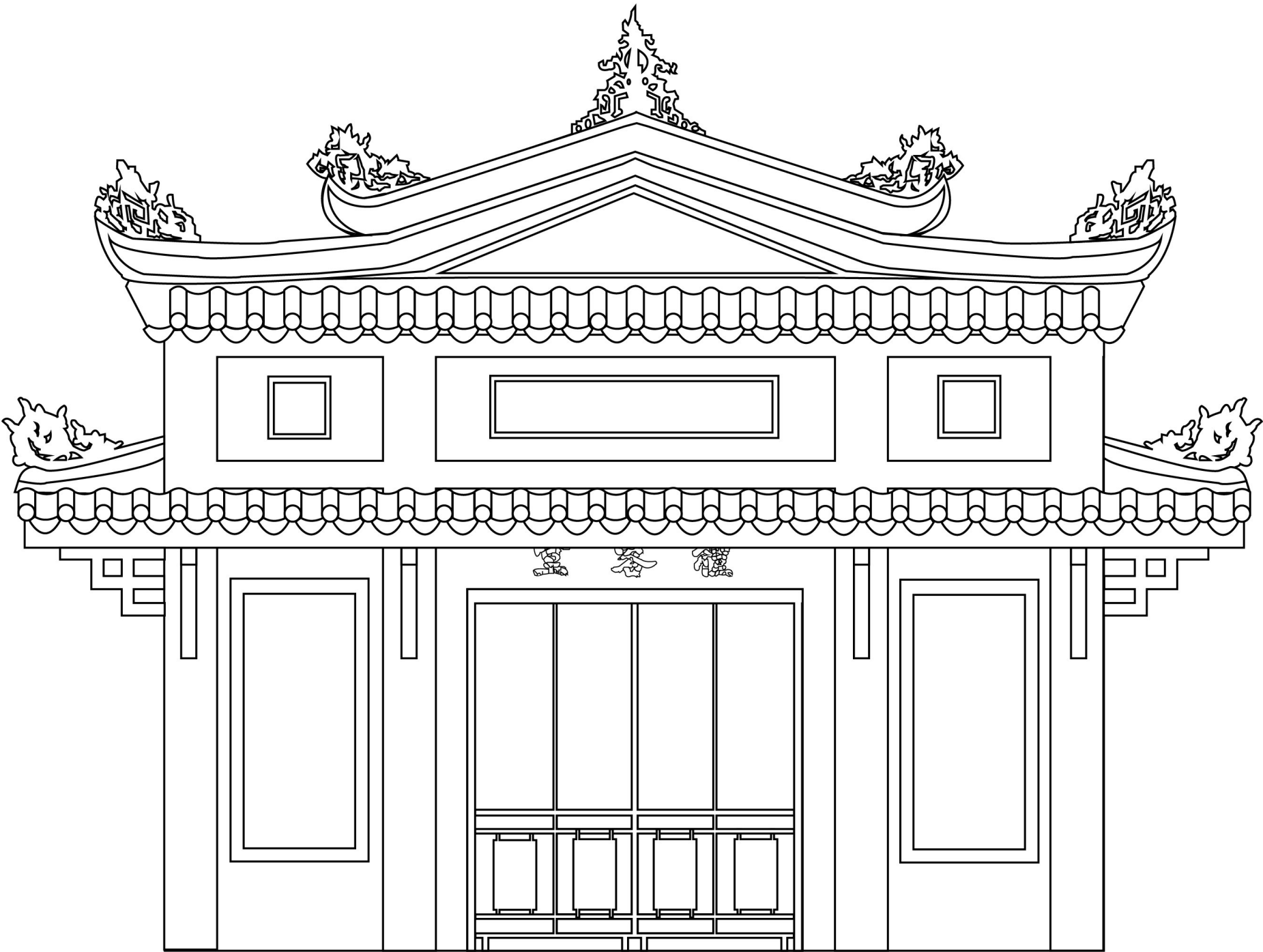


SƠ ĐỒ

VECTOR ĐÔNG LANG



ĐÔNG LANG I



ĐÔNG LANG II

CỔNG TAM QUAN

Được xây dựng theo lối kiến trúc quen thuộc, đặc trưng của những ngôi chùa, đền, và những ngôi dinh thự thời xưa. Ba lối vào, với lối giữa cao và rộng hơn hai cổng phụ, còn thể hiện 3 quan điểm của nhà Phật, bao gồm: hữu quan, không quan, và trung quan, đại diện cho sự vô thường của Phật. Phía trên cổng là dòng chữ Hán, dịch ra với ý nghĩa “Thượng Công miếu”, tức là nơi thờ phụng Thượng Công, một chức quan lớn và quan trọng của thời xưa.

Ý nghĩa phổ biến nhất của kiến trúc cổng tam quan đó là tượng trưng cho ba cách nhìn của Phật giáo bao gồm “hữu quan”, “không quan” và “trung quan” . Trong đó, “hữu quan” là thể hiện cái sắc (giả), “không quan” là tượng trưng cho cái không (vô thường) và “trung quan” là thể hiện sự trung dung của cả hai yếu tố sắc và không.

Nhưng cũng có một thuyết khác lý giải rằng cổng tam quan là ý niệm về ‘tam giải thoát môn” bao gồm các cửa vô tác, vô tướng và vô không để có thể bước vào cõi Niết Bàn. Chỉ khi con người hiểu được ý nghĩa của ba cửa này thì mới có thể thoát khỏi được những sân si, oán hận, đau khổ để tìm được sự bình yên, an lạc trong tâm hồn.

Vào thời vua chúa ngày xưa, các công trình thường xây dựng cổng tam quan. Đó là bởi quy định lối chính giữa là dành cho vua, bên cửa tả dành cho quan văn, bên cửa hữu dành cho quan võ. Chính vì vậy, các cổng làng hay các công trình đền, chùa, đình, miếu, lăng mộ đều xây dựng cổng tam quan để đón vua chúa về thăm. Vào những ngày thường, cửa chính thường được đóng chỉ mở hai cửa hai bên trừ các dịp lễ lớn hay đón vua, chúa về thăm thì cửa chính mới mở.



KHUÔN VIÊN



Qua Cổng Tam Quan, khách bước vào Huê Viên bao quanh bởi bức tường xây năm 1948, dài 500m, cao 1m20. Trong Huê Viên, khách bước đi trên những lối đi tráng xi măng hay lát đá chạy giữa những bồn cỏ xanh tươi, mát mắt. Hai bên lối đi trồng nhiều loại cây cảnh. Để bảo vệ nạn ‘hái lộc’ làm hư cây cảnh, hằng năm, tới Tết Nguyên đán, Ban quản trị phải trưng sẵn hàng trăm chậu hoa để dân chúng ‘hái lộc’. Ngoài ra, Huê Viên Lăng Ông còn có nhiều loại cây to lớn, tàn lá xum xuê che mát khắp nơi: Ngay phía trong Cổng Tam Quan là 2 bụi trúc và rài rắc khắp Huê Viên có những cây me Tây, phượng vĩ, thốt nốt, dương liễu, kim điệp, bằng lăng, dầu, gồi, giá tị, điệp, gồi, dừa. Cũng ngay bên trong Cổng Tam Quan đặt 2 khẩu súng thần công, đầu súng hướng ra ngoài. Đây là kiểu thần công đời Gia Long, do hãng đúc Nguyễn Trí Độ tặng vào năm 1964 nhân kỉ niệm 50 năm thành lập Hội Thượng Công Quý Tế.

Lăng mộ là nơi có kiến trúc cổ nhất được tồn tại từ năm 1848. Phần mộ gồm hai ngôi mộ song táng: Tà quân và vợ là bà Đỗ Thị Phận. Hai ngôi mộ đặt song song và được cấu tạo giống nhau, có hình dạng như nửa quả trứng ngỗng xé theo chiều dọc, úp trên bề mặt hình chữ nhật. Trước mộ có một khoảng sân nhỏ để làm lễ. Từ nơi nhà bia nhìn vào, mộ Lê Văn Duyệt phía bên phải. Bao quanh mộ là một bức tường bằng đá ong dày hình chữ nhật, thông ra tận sân đốt nhang đèn.

LĂNG MỘ SONG TÁNG





NHÀ BIA

Nhà bia của Lăng Ông được xây dựng như một ngôi điện nhỏ, tường gạch và mái ngói lợp âm dương. Ở trong còn có tấm bia đá khắc chữ Hán “Lê Công miếu bi” (bia dựng tại miếu thờ Lê Công) do Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải viết năm 1894 với nội dung ca ngợi công Đức Thượng Công Tả Quân Lê Văn Duyệt đối với triều đình cũng như nhân dân, phần cuối bia có nhắc đến phu nhân Đỗ Thị Phận và Phan Công Lương Khê (Phan Thanh Giản) cũng được thờ trong miếu. Trước bia đá là một đôi tượng hạc vàng cưỡi rùa.



HẠC VÀNG CUỐI RỪA



Được đặt trước nhà bia. Đây được xem là hình ảnh tượng trưng cho sự hòa hợp giữa âm và dương, sự tương quan hỗ trợ lẫn nhau giữa muôn loài và muôn vật. Ngày xưa có một thuyết kể rằng cứ tới mùa hạn hán, hạc sẽ “cắp” rùa đến những vùng có nước. Còn khi đến mùa nước lũ, rùa lại trở thành những tảng đá vững chắc cho hạc đậu chân.

Trong đạo giáo, đặc biệt là Đạo Phật rất coi trọng loài chim Hạc, coi đó là loài chim trên cao, loài chim của các đức tối cao và lấy đó là tượng trưng cho những thể lực siêu nhiên sự thanh cao , tinh túy và những mong ước tốt đẹp. Người ta trưng bày Hạc ở những nơi trang nghiêm, ở những vị trí quan trọng trong căn nhà, ở những nơi thờ, cúng.

MIẾU THỜ

Khu miếu thờ còn được gọi là “Thượng công linh miếu” nơi diễn ra các hoạt động thờ cúng được sơn màu sắc đỏ thoát nhìn giống một ngôi chùa Trung Hoa, nhưng thực tế miếu được dựng theo cấu trúc đình Nam Bộ, khung nhà ba gian bao gồm tiền điện, trung điện và chánh điện, mỗi gian điện thờ cách nhau bằng một sân thiên tinh (giếng trời). Đối xứng hai bên trục nhà chính là hai dãy Đông lang và Tây lang. Công trình mang dấu ấn của kiến trúc triều đình Nguyễn ở Huế với những vật liệu như gỗ gạch, vôi vữa... Vật liệu cũng như kĩ thuật kết cấu đều kế thừa kiến trúc cổ truyền Việt Nam, đồng thời có sự cách tân tạo nên độ vững vàng, hài hoà, thích ứng với khí hậu nhiệt đới phương Nam.

Bộ mái nhà hai tầng đồ sộ của miếu là điểm nhấn đặc sắc nhất trong tổng thể kiến trúc với những mái được thiết kế theo lối “trùng thiềm điệp ốc” (mái chồng lên mái) gợi nên hình ảnh những chiếc thuyền rồng cheo leo. Bên cạnh đó, kĩ

thuật chạm khắc gỗ, khắc đá, chạm thủng qua kim loại, khảm sành sứ đậm chất Huế mà “Thượng công linh miếu” còn giữ được vẻ đẹp cổ kính đến ngày nay... cũng nói lên được những đặc tính của loại hình kiến trúc cung đình Huế thời bấy giờ.

Lăng Tà Quân tuy không nguy nga như lăng tẩm các vua nhà Nguyễn ở Huế nhưng trong tâm thức đại chúng, Việt cũng như Hoa vùng Gia Định Sài Gòn, luôn ngưỡng mộ ông như một vị Thần linh thiêng luôn phò hộ người dân. Trong dịp lễ hội hay ngày rằm mồng một, người đi viếng lăng rất đông với tâm thành chứ không có cảnh lợi dụng khai thác kinh doanh như những nơi khác. Lăng ông Bà Chiểu luôn là hình ảnh đẹp trong tâm hồn người miền Nam.



GIAN TIỀN ĐIỆN

“Thượng công linh miếu” có 3 tầng mái đây được coi là bố cục chính của gian thờ được chia làm ba gian thờ khác nhau được kiến trúc sư Nguyễn Văn Tấn thiết kế năm 1949.

Gian tiền điện được thiết kế cao rộng thoáng mát theo kiểu cổ lồng và được sử dụng màu sắc đỏ làm màu sắc chủ đạo trong gian thờ này và những bức hoành phi trong gian thờ được người dân phụng cúng bởi cái lòng tin ngưỡng về ông rất lớn. Bức hoành phi hải nhạc chung linh ý muốn nói đức cao rộng lớn sánh với non sông đất nước và màu đỏ tượng trưng cho một vị võ tướng, tại gian tiền điện có khối thờ di ảnh của ngài tá quân Lê Văn Duyệt.



GIAN TRUNG ĐIỆN

Gian Trung Điện được ngăn cách bởi bức bình phong có hình tượng ngà voi, thiết kế theo lối kiến trúc hắc gian Tiền Điện tại đây sử dụng sắc đen làm chủ đạo từ các gian thờ đến ngói mái được đặc làm gian thờ sắc thần của đức ông được triều đình nhà Nguyễn ban , ngoài ra còn thờ các vị quan khác như ông “Phan Thanh Giản”... và đây cũng được coi là nơi người dân gửi gắm niềm tin vào đức ông rất là nhiều nên ở đây cũng có diễn ra phong tục xin xăm xin que cầu bình an may mắn.

GIAN CHÁNH ĐIỆN

Gian Chánh Điện đây được coi là gian thờ quan trọng nhất của toàn bộ quần thể di tích “Thượng công miếu” được xây dựng năm 1971. Ở giữa thờ ngài “Lê Văn Duyệt” hai bên thờ sắc thần và bài vị đức ông được nhà Nguyễn cấp. Bên trong được đặc một bức tượng của ngài “Lê Văn Duyệt” đúc bằng đồng nguyên chất, cao 2,65m, nặng 3 tấn, do kíp thợ nghệ nhân Huế đúc và mang vào từ Huế. Tượng đã nhập lăng vào đêm 31/1 rạng 1/2 để chờ ngày khánh thành.



TÂY LANG



Đối xứng hai bên trục nhà chính là hai dãy Đông Lang và Tây Lang được chia làm hai gian và chạm khắc hoạ tiết rồng phượng. Bên trong Tây Lang I có gian nhà tiếp khách được xây dựng vào năm 1937. Vào các kỳ đại lễ, Tây điện là nơi đón tiếp các khách thập phương đến chiêm bái, tế lễ. Cùng với đó, khu vực Tây Lang II còn có bàn thờ di ảnh Tả quân Lê Văn Duyệt.



ĐÔNG LANG



Khu vực Đông Lang I có phòng thờ anh hùng liệt sĩ và gian nhà bếp phục vụ cho những bữa tiệc, lễ cúng.



BỨC “LONG MÃ PHỤ ĐỒ”

Bức “Long mã phù đồ” bằng chất liệu sành sứ, thủy tinh trên bức tường khu tiền điện. ngoài hai chất liệu truyền thống là gỗ, đá thì nghệ thuật khảm sành sứ tại lăng miếu là một kỹ thuật tiếp thu từ những công trình kiến trúc ở cổ đô Huế. Với các loại mảnh sành sứ, thủy tinh vỡ vụn, nhiều màu sắc... Các nghệ nhân đã khéo léo lựa chọn và sắp xếp thành những tác phẩm nghệ thuật sống động. Long Mã Phù Đồ là con vật thiêng trong huyền thoại và gắn liền với truyền thuyết tối cổ của nền văn minh Hoa Hạ. Tức là vào đời Phục Hy vị vua thứ nhất của thời Tam Hoàng tối cổ của Trung Quốc khi vị vua này đó có được thiên hạ thì đã có huyền thoại về con Long Mã, là



đầu rồng, mình ngựa xuất hiện trên dòng sông Hoàng Hà và nó chuyển chở một đồ hình gồm có 10 đường nét, 10 đường nét cơ bản đó hình thành nên bát quái sau này”.

Long mã là hóa thân của kỳ lân, là sự kết hợp đặc biệt giữa rồng, lân và ngựa. Đó là một linh vật có sừng và bờm của rồng, mình của con hươu xạ, đuôi bò, trán sói, thân có vảy của kỳ lân, chân và móng của ngựa; cao “tám thước năm tấc, xương cổ dài, cánh bên phải nhúng xuống nước mà không ướt, trên có thánh nhân để bước cổ đồ”

Ở các nước có bản sắc văn hóa Đông phương như Trung Quốc, Việt Nam, tranh tượng Long mã thường được thực hiện theo mẫu minh ngựa có vẩy rồng, đầu rồng, lưng mang bảng Bát quái Tiên thiên, thế đứng rất uy nghi, phong thái hùng dũng đang tiến về phía trước Thực chất. Thông qua hình tượng long mã, người ta hiểu rằng: Rồng thường ở trên cao, khi ẩn khi hiện trong mây, vùng vẫy khắp không gian, biểu trưng cho những gì có tính chất cao thượng, mạnh mẽ, linh hoạt, thuộc Dương, và thuộc Tiên thiên, nghĩa là tung, tượng trưng cho kinh tuyến, thời gian.

Mã là ngựa, tuy không thuộc linh vật, nhưng là vật rất hữu dụng trong nhân gian, di chuyển nhanh trên mặt đất theo đường thẳng ngang, chờ nặng, có sức bền bỉ, có nghĩa khí, thuộc Hậu thiên, là hoành, tượng trưng cho vĩ tuyến, không gian. Như vậy, long mã tượng trưng cho sự tung hoành của nam nhi, cho thời gian và không gian, long mã chạy là biểu hiện cho vũ trụ vận động, đồng thời tượng trưng cho thánh nhân. Có lẽ, chính vì ý nghĩa đó mà Long Mã lại hay được thể hiện trong các lăng mộ.

Có thể nói, long mã tiêu biểu đầy đủ các phạm trù âm dương, vũ trụ, sự kết hợp của Tiên thiên - Hậu thiên, và cuộc tiến hóa của vạn vật (ngựa hóa rồng). Chính vì thế, tất cả các di tích từ cung điện lăng tẩm cho đến đình miếu dân gian đều có khắc hình Long Mã phù hà đồ. Đồ hình ấy khái quát giai đoạn ban sơ của vũ trụ như vậy là tiếp nối một dòng chảy. Nó song song tồn tại bên cạnh những mô thức trang trí của Lão giáo còn có mô thức của Phật giáo. Long Mã được gửi gắm ước mơ cuộc sống thanh bình và lạc nghiệp.

Từ ý nghĩa của Long Mã, các di tích từ cung điện lăng tẩm cho đến đình miếu dân gian đều có khắc hình Long Mã phù hà đồ. Đồ hình ấy khái quát giai đoạn ban sơ của vũ trụ như vậy là tiếp nối một dòng chảy. Nó song song tồn tại bên cạnh những mô thức trang trí của Lão giáo còn có mô thức của Phật giáo. Long Mã được gửi gắm ước mơ cuộc sống thanh bình và lạc nghiệp. Từ ngựa chuyển hóa thành Long mã là một bước chuyển trong quá trình nhận thức thẩm mỹ, gắn với quan niệm về triết lý, tất cả các di tích từ cung điện lăng tẩm cho đến đình miếu dân gian thường có khắc hình Long Mã phù hà đồ. Đồ hình ấy khái quát giai đoạn ban sơ của vũ trụ như vậy là tiếp nối một dòng chảy, song song tồn tại bên cạnh những mô thức trang trí của Lão giáo còn có mô thức của Phật giáo.

NGHÊ ĐÁ



Từ xa xưa, Nghê đá đã là một biểu tượng của một linh vật linh thiêng huyền bí của người dân Việt ta. Theo quan niệm dân gian con Nghê đá chính là sự kết hợp giữa thân chó và đầu lân. Đặc điểm phân biệt giữa nghê đá và lân là ở bộ móng, nghê mang móng vuốt còn kỳ lân mang móng guốc.

Ở Trung Quốc, người ta gọi “toan nghê” chính là con sư tử, còn ở Việt Nam, hình ảnh nghê gắn liền với con chó. Tại sao gọi là nghê? Các nhà nghiên cứu mỹ thuật giải thích: “Từ nguyên của nghê có nguồn gốc Trung Quốc. Hiện tượng phổ biến trong mã chung văn hóa vùng Viễn Đông có rất nhiều tín ngưỡng và đồ án Trung Hoa, nhưng khi sang đến Nhật Bản, Hàn Quốc, xuống đến Việt Nam dù cùng tên gọi nhưng có dung mạo, sắc thái khác. Sắc thái của con nghê đá cổ Việt luôn gợi cho chúng ta một nét bình dị. Chẳng hạn con nghê gỗ – một trong những hiện vật quý ở đền thờ Lê Thánh Tông hiện trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam – dù được trang sức khá cầu kỳ, thể hiện bậc vương giả, khác với con nghê ở các chốn khác, nhưng vẫn bộc lộ một tính gần gũi, một nét thân quen phảng phất hình ảnh con chó”.

Theo quan niệm dân gian con Nghê đá chính là sự kết hợp giữa thân chó và đầu lân. Đặc điểm phân biệt giữa nghê đá và lân là ở bộ móng, nghê mang móng vuốt còn kỳ lân mang móng guốc.

Nghê đá có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt tượng trưng cho sự quyền uy, dũng mãnh, nhanh nhẹn, uy nghiêm, linh thiêng và trung thành. Con nghê đá thường được sử dụng để đặt ở các khu di tích văn hóa lịch sử tâm linh như đền chùa, miếu mạo, đình, nhà thờ họ hay cổng làng, mang ý nghĩa trấn yểm bảo vệ trấn yểm, bảo vệ, xua đuổi tà khí, tà ma giúp mang lại sự bình yên, may mắn. Trong phong thủy thì nghê đá có ý nghĩa giúp hóa giải hung khí chiếu tới của các ngã ba, ngã tư, góc nhọn chiếu thẳng vào nhà và hóa giải hung khí của các sao như Sát khí như Ngũ Hoàng, Nhị Hắc,...



Tương truyền tại vùng đất Thần Châu, có một con sông linh thiêng được đặt tên là sông Hoàng Hà. Từ trên cao nhìn xuống, sông Hoàng Hà chảy từ tây sang đông, uốn lượn, khúc khuỷu tựa như con rồng đang bay lượn giữa ngàn mây. Ở vùng trung du Hoàng Hà có ngọn núi tên là Long Môn. Long là Rồng. Môn là Cửa. Nghĩa là “Cửa rồng”. Vì sao lại có tên gọi này, tục truyền rằng khi Đại Vũ trị thủy ông đã xẻ núi cho nước chảy xuyên qua khe đá, tạo lên cảnh tượng vô cùng hùng vĩ. Vì chỉ có Thần Long mới có thể vượt qua, nên có tên gọi là Long Môn.

Tương truyền rằng, nếu loài cá nào trên sông Hoàng Hà có thể nhảy ra Long môn được thì sẽ hóa rồng. Nhưng Long Môn lại là một vách đá cao sừng sững. Sông Hoàng Hà đổ đến đây tuôn trào như thác. Dòng nước ồ ạt đổ xuống mãnh liệt như thiên binh vạn mã. Thế nên, chẳng có loài cá nào dám thực hiện điều đó. Bởi vì riêng việc bơi ngược được thác nước ấy đã khó. Mà vượt qua được Long Môn thì còn khó hơn cả lên trời.

CÁ CHÉP

HÓA RỒNG

Thể hiện khát vọng thành công để trở thành rồng – biểu tượng của sự siêu phàm, thoát tục. Cá chép trở thành rồng phun nước làm cho đất đai màu mỡ, cây cối xanh tươi. Do đó, ý nghĩa cá chép hóa rồng còn thể hiện sự sung túc, ấm no, hạnh phúc. Đây là khát vọng mà ai cũng muốn đạt được.



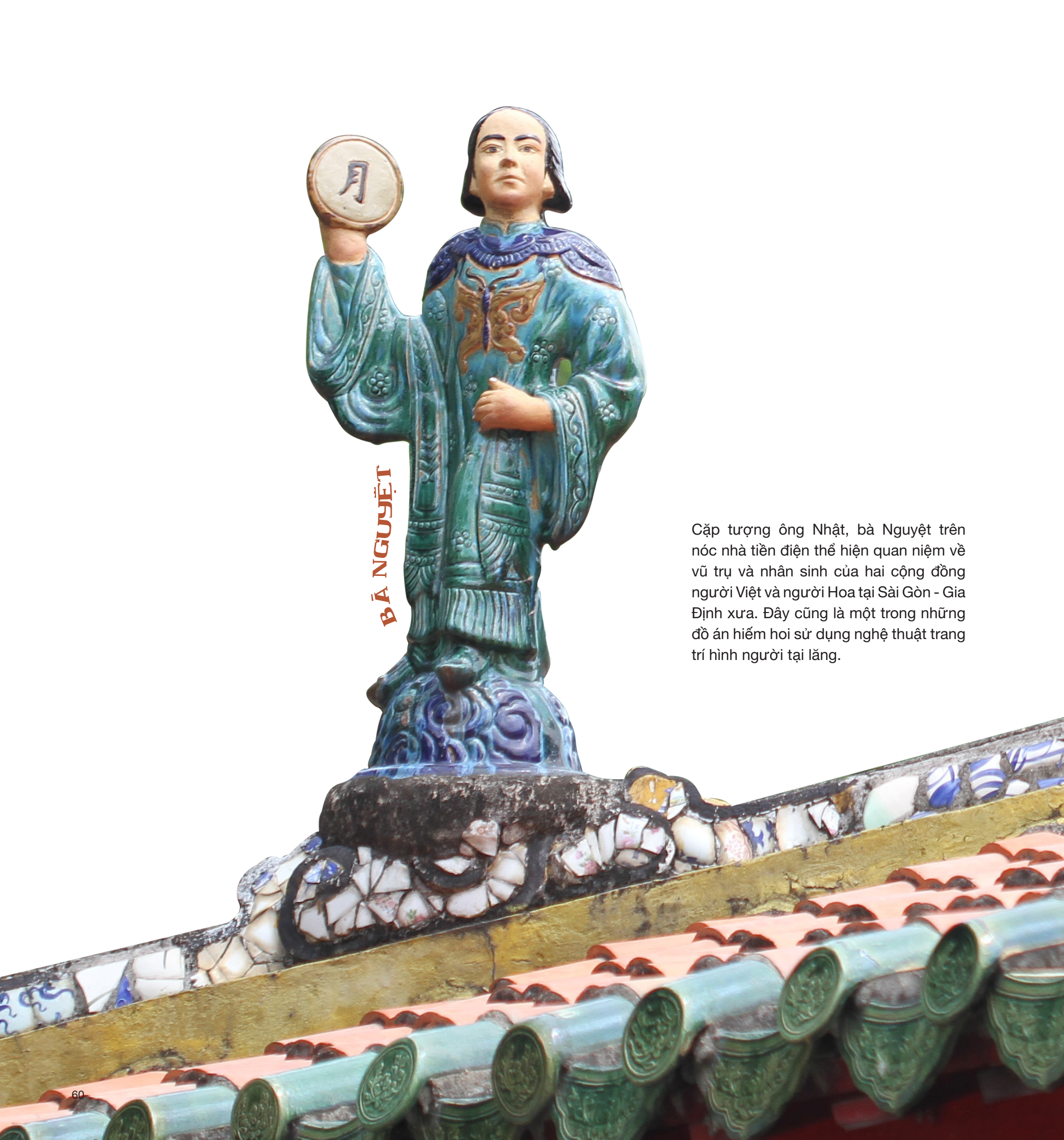
MÁI LÃNG

Do hình ảnh rồng có sức sống mãnh liệt trong tiềm thức và văn hóa người Việt nên nhiều triều đình phong kiến đã chạm khắc hình rồng trên nhà cửa hay đồ dùng gia đình. Theo dọc dài thời gian, sức ảnh hưởng của hình tượng linh vật này lại vượt ra khỏi khuôn khổ kinh thành, được “dân gian hóa” và xuất hiện ở các làng quê, “leo” lên các mái đình, chùa...., cuộn tròn trong lòng bát đĩa, ẩn mình trên những cột kèo..... Tuy nhiên, trên các mái đình chùa, rồng lại không xuất hiện một mình mà lại có thêm hình ảnh nhật nguyệt đặt giữa hai con rồng, biến thành hình ảnh “lưỡng long châu nguyệt”, hay “song long châu nguyệt”.

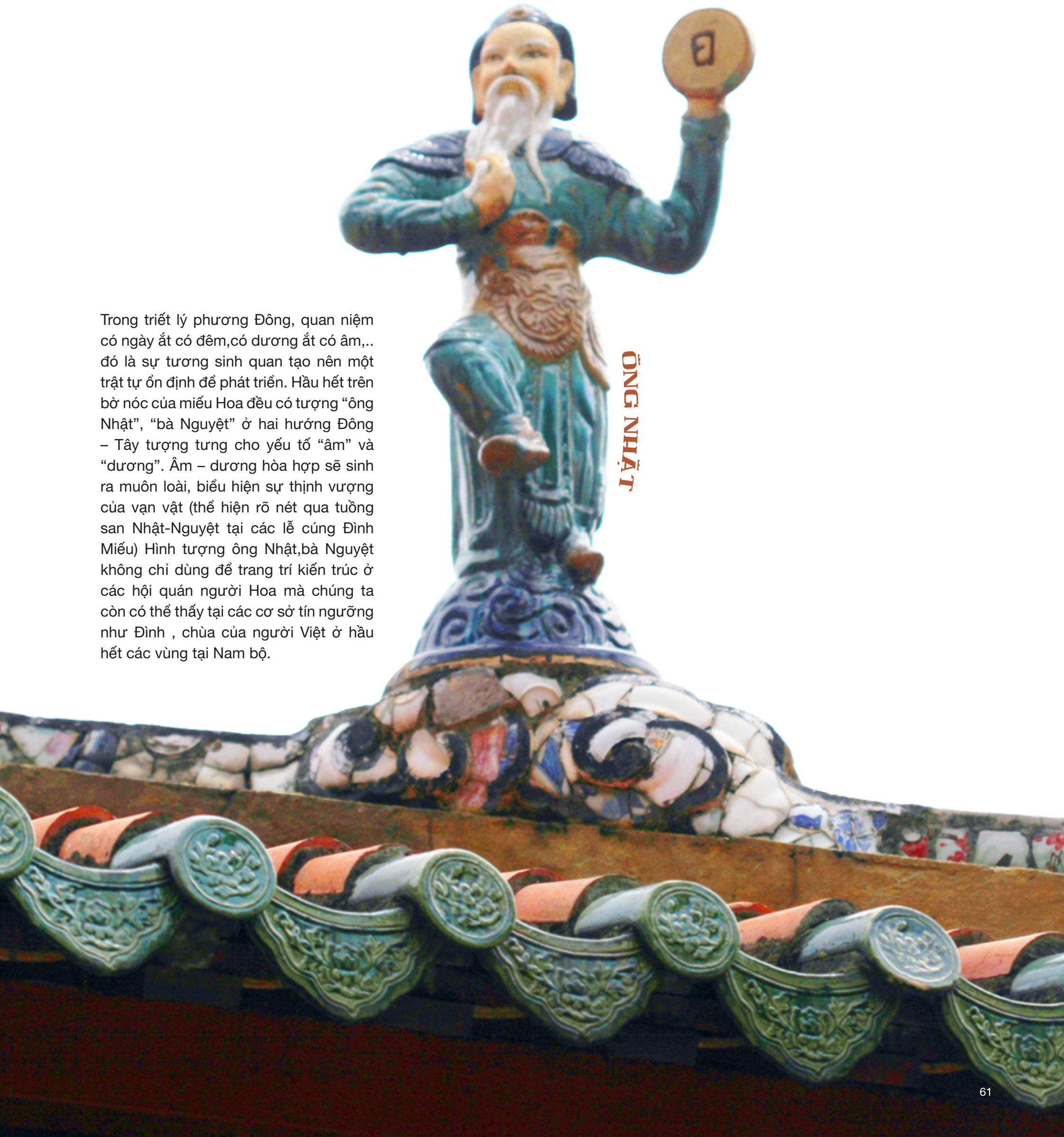


Trên nóc miếu thờ còn được trang trí bằng hình ảnh nhiều loài vật và họa tiết khác nhau như chim trĩ, công, hoa sen, hoa mẫu đơn... để thể hiện những đề tài mang tính hiện thực, gần gũi với cuộc sống con người. Hoa mẫu đơn là biểu tượng của sự thịnh vượng, phồn vinh và mang trong mình sức sống mạnh mẽ. Bộ mái nhà hai tầng đồ sộ của miếu là điểm nhấn đặc sắc trong tổng thể kiến trúc với những mái được thiết kế theo lối “trùng thiềm điệp ốc” (mái chồng lên mái) gợi nên hình ảnh những chiếc thuyền rồng cheo leo. Bên cạnh đó, kĩ thuật chạm khắc gỗ, khắc đá, chạm thủng qua kim loại, khảm sành sứ đậm chất Huế... cũng nói lên đặc tính của loại hình kiến trúc cung đình Huế thời bấy giờ.

CẶP TƯỢNG ÔNG NHẬT, BÀ NGUYỆT



Cặp tượng ông Nhật, bà Nguyệt trên nóc nhà tiền điện thể hiện quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của hai cộng đồng người Việt và người Hoa tại Sài Gòn - Gia Định xưa. Đây cũng là một trong những đồ án hiếm hoi sử dụng nghệ thuật trang trí hình người tại lăng.



Trong triết lý phương Đông, quan niệm có ngày ắt có đêm, có dương ắt có âm,... đó là sự tương sinh quan tạo nên một trật tự ổn định để phát triển. Hầu hết trên bờ nóc của miếu Hoa đều có tượng “ông Nhật”, “bà Nguyệt” ở hai hướng Đông – Tây tượng trưng cho yếu tố “âm” và “dương”. Âm – dương hòa hợp sẽ sinh ra muôn loài, biểu hiện sự thịnh vượng của vạn vật (thể hiện rõ nét qua tường san Nhật-Nguyệt tại các lễ cúng Đình Miếu) Hình tượng ông Nhật, bà Nguyệt không chỉ dùng để trang trí kiến trúc ở các hội quán người Hoa mà chúng ta còn có thể thấy tại các cơ sở tín ngưỡng như Đình , chùa của người Việt ở hầu hết các vùng tại Nam bộ.

CÁC BỨC PHÙ ĐIỀU

Bức phù điêu bằng sành sứ dùng hình tượng cá chép hoá rồng chiến đấu với chim được trang trí năm 1937 trên miếu thờ. Theo quan niệm dân gian, hình ảnh cá chép hoá rồng là biểu tượng của tinh thần đấu tranh, luôn tìm cách vượt qua khó khăn để vươn tới tương lai tốt đẹp. Nếu chịu khó nhìn kỹ, chúng ta có thể bắt gặp bức phù điêu còn gợi lên những câu chuyện tường cổ rất đặc sắc.





MÁI NGÔI ẦM DƯƠNG



Xuất hiện tại Việt Nam từ thời Lý, thời Trần, thời Lê đến nay Ngói âm dương đã có nhiều sự biến đổi về kiểu dáng, kích thước nhưng cũng không mất đi được nét đẹp cổ kính, mộc mạc với những họa tiết, hoa văn tinh xảo, tỉ mỉ. Ngói âm dương là sự kết hợp giao thoa văn hóa phương Đông với Trung Quốc, Hàn

Quốc, Nhật Bản và từ ngày xưa ngày xưa ngói âm dương được sử dụng làm vật liệu xây mái nhà không thể thiếu của người dân. Đặc biệt, những ngôi nhà được lợp mái ngói âm dương có ý nghĩa rất sâu sắc với văn hóa người Việt. Bắt đầu từ thời Lê, ngói âm dương đã được sử dụng cho việc xây dựng kiến trúc mái

lợp. Họa tiết, hoa văn lấy hình rồng, hoa cúc làm chủ đạo. Sự trường tồn của loại mái ngói này theo thời gian đã trở thành một biểu tượng đẹp cho sự hòa hợp giữa đất trời, mang theo niềm tin về một cuộc sống yên bình và tình cảm gia đình hạnh phúc.

MAI



Hoa mai là loài hoa tượng trưng cho sắc xuân, sự tinh khiết và sức sống mãnh liệt của thiên nhiên. Bên cạnh đó, đây còn là một loại hoa biểu trưng cho những tấm lòng trong sáng, thuần khiết.

LAN



Hoa lan tượng trưng cho mùa hạ. Trong phong thủy, hoa lan được xem như là biểu tượng của sự sinh sôi, mang về đẹp của sự hoàn hảo, trọn vẹn.

CÚC



Hoa cúc luôn là biểu tượng đặc trưng nhất của mùa thu. Đây cũng là loài hoa tượng trưng cho sự quyền quý trong văn hóa Trung Hoa. Bên cạnh đó, nó cũng mang đến sự trường thọ, sức khỏe và tài lộc.

TRÚC



Cây trúc là hình ảnh đại diện cho mùa đông. Trúc là biểu trưng cho mẫu người quân tử, do loài cây này tuy cứng mà mềm mại, quanh năm xanh tốt dù nó có thể sống ở môi trường khô cằn.

CÁC BIỂU TƯỢNG TRÊN BÀN THỜ



Long (rồng) thường xuyên xuất hiện trong tín ngưỡng phương Đông, đại diện của quyền năng tối cao. Đây được xem là hình mẫu cho những điều tốt lành, may mắn. Đối với nền nông nghiệp, rồng là sứ giả mang mưa thuận gió hòa. Đối với công việc thi rồng là hiện thân cho công danh, tài lộc và quyền lực. Đối với dân tộc Việt Nam, rồng là đại diện cho mỗi người dân mang trong mình nội giống “Con rồng cháu tiên”. Theo truyền thuyết, rồng là loài vật có thân rắn, đầu thần lân, móng vuốt của chim ưng, đuôi rắn, sừng hươu, vây cá.

Lân (kỳ lân) theo lịch sử, Lân là thú có đầu rồng, thân giống hươu và có vây, mình vằn, đuôi như đuôi trâu và có 1 sừng trên đỉnh đầu. Đối với nền văn hóa nước ta, lân còn là vị thần linh trấn giữ cửa nhà, phá giải hung khí khi bị chiếu thẳng ở ngã ba, ngã tư, góc nhọn, đường vòng.

Quy (rùa) chính là biểu tượng của tinh thần thanh cao, thoát tục. Rùa là loài động vật có thật, gắn liền với đời sống nhân dân Việt Nam từ xưa. Rùa còn tượng trưng cho sự bất diệt, học thức.

Minh chứng là tượng rùa mang sử sách Việt Nam và 82 bia đá tại Quốc Tử Giám ghi rõ họ tên người thi đỗ. Quy còn là linh vật hội tụ linh khí đất trời (bụng là mặt đất, mai là vòm trời).

Phụng (phượng hoàng) là loài chim đẹp nhất trong các loài chim. Đây là loài linh vật thể hiện vẻ đẹp, sự cao quý. Vẻ đẹp của phượng hoàng gồm điều hâu dài, tóc trĩ, vây cá chép, móng chim ưng và đuôi công. Phụng là loài vật không chỉ thể hiện sự duyên dáng, phẩm hạnh mà còn cầu thịnh vượng.





BỨC HOÀNH PHI

Hoành Phi nghĩa là bức thư họa (tranh chữ). Nó được dùng rộng rãi trong dân gian tại các công trình đình, đền, nhà thờ họ, nhà ở.... Hoành phi có nhiều loại, có bức hoành phi sơn son chữ vàng, có bức sơn đen chữ đỏ hoặc vàng, cũng có những bức được khảm xà cừ rất cầu kỳ, đẹp mắt.

Những chữ Hán (không dùng chữ Nôm) được viết trên hoành phi (đại tự) thường theo ba kiểu cơ bản là chữ CHÂN, chữ HÀNH, chữ KHẢI chữ TRIỆN, (ít dung chữ THẢO). Nội dung bày tỏ lòng tôn kính của con cháu đối với tổ tiên và những người có công với gia đình, dòng họ, đất nước, thông thường chỉ có từ ba đến bốn chữ như: “Vạn cổ anh linh” (muôn thuở linh thiêng), Lưu đức lưu ân (lưu giữ mãi ơn đức)...

Hoành phi được treo ở những nơi thờ cúng như đình, đền, nhà thờ họ, phía trên bàn thờ gia tiên, nơi lăng mộ... Vị trí của hoành phi thường treo ngay ngắn nơi chính giữa hoặc những vị trí trang trọng khác của đền, đình hoặc ngôi nhà, hướng ra ngoài, cố định và ít di chuyển, tạo cảm giác bền vững, lâu dài. Ngày nay, những bức hoành phi cổ, vốn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa còn lại không nhiều. Ở một số di tích người ta đã đưa những tấm hoành phi mới vào để thay thế cho các bức cũ đã bong sơn, cũ kỹ long mọng hoặc tạo bức Hoành phi mới hoàn toàn.



ÔNG HỒ



Một con hổ to lớn, được nhồi bằng da hổ thật nằm trong tủ kính của thùng công đức. Con hổ có chiều dài hơn hai mét, thuộc dòng hổ Siberia. Đây là loài hổ quý hiếm, còn sót lại rất ít trên toàn thế giới. Người phụ trách lăng cho biết, một đại gia đã mang con hổ này đến lăng để cúng dường, tạ ơn Tà quân Lê Văn Duyệt đã cho lời cầu xin của mình thành hiện thực.



BAO LAM

Bao lam với hình ảnh “lưỡng long tranh châu” là hình ảnh mô tả cuộc tranh giành viên Thanh Châu của hai con Rồng (lưỡng long). Trong đó, viên Thanh Châu rực sáng ở giữa được ví như trung tâm của trời đất; còn hai con Rồng là biểu thị cho sức mạnh cân bằng giữ 2 thái cực Âm và Dương. Hạt châu lại là biểu tượng của vũ trụ; nhiều nơi còn cho rằng ý nghĩa của hạt châu cũng như hình ảnh âm dương thái cực. Tượng trưng có cách vận hành, quy luật của vũ trụ. Chỉ sức mạnh âm dương chi phối vũ trụ một cách cân bằng; trong âm có dương, trong dương có âm.

Lưỡng long tranh châu có nguồn gốc từ rất xa xưa; hình ảnh bắt nguồn từ văn hóa trung hoa cổ đại. Khi đó người Việt Cổ đã sử dụng lưỡng long tranh châu cho các tầng lớp vua quan. Lưỡng long tranh châu là biểu tượng văn hóa tâm linh; được vua chúa ngày xưa sử dụng rất nhiều. Trên các bộ long bào của vua quan; ta có thể dễ dàng bắt gặp hình ảnh này. Đôi rồng được thêu rất tỉ mỉ xung quanh viên châu rực rỡ. Thể hiện cho quyền uy và cao quý của tầng lớp cai trị xã hội phong kiến.



GIÀN GIÃO VÃ VỮ KHÍ



Lỗ bộ là tên đọc trại của từ gốc Lỗ bạ, nghĩa là những đồ nghi trượng đi theo khi vua xa giá, hoặc đồ nghi vệ như binh khí, huy chương dùng khi quan đi ra.

LĂNG BÌNH GIANG BÀ VÕ DI NGUY



TÊN ĐỊA ĐIỂM

Hiện tọa lạc tại số 19 đường Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

GÓC NHÌN TỪ NGƯỜI DẪN

Cụ thể từ Lê Văn Thành (80 tuổi) nói: “Tôi sống ở Sài Gòn đã từng này tuổi nhưng chưa thấy phần mộ nào bề thế như mộ của ông, kể cả mộ của Tà quân Lê Văn Duyệt”. Mà thật, mộ được đắp bằng ô dước, nhô khỏi mặt đất khoảng 0,25 m, hình chữ nhật với kích thước 2 x 1,6 m.

LỊCH SỬ

Ngôi mộ của ông (số 19 đường Cô Giang) từ khi được an táng đến nay hơn 214 năm mà vẫn giữ được nét uy nghi, đường bệ của bậc đế nhất công thần, đồng thời tiêu biểu cho nghệ thuật xây cất lăng mộ cổ ở Nam bộ. Do đó, Bộ VH-TT đã ra quyết định công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia (số 43-VH/QĐ ký ngày 7.1.1993).



KIẾN TRÚC

Khu tiền mộ (sân trước mộ) được ngăn bởi hai bờ tường, chứa cổng vào ở giữa. Đặc biệt, sinh thời Võ Di Nguy là danh tướng thủy quân (trước Bình Giang Quận công) nên trên mỗi bờ tường có tượng con rái cá. Một hồ nước nhỏ gắn với bức bình phong cao khoảng 1,8 m hai bên có tượng hai con sư tử mắt lồi, đuôi xòe, nhẹ răng ôm lấy bình phong có chiều ngang 3 m. Mặt trong bình phong chạm hình “vân tùng lộc” (mây, cây tùng và hươu nai), mặt ngoài bình phong rong rêu đã phủ kín từ lâu.

Đặc biệt, giữa sân phía trước mộ có tượng hai con lân nhỏ rất đẹp, xứng đáng được liệt vào “tượng linh vật thuần Việt”, đó là chưa kể trên hai cột trụ vuông có đặt hai con lân lớn cũng uy mãnh và đẹp không kém... Trước mộ có bệ thờ bằng ô dước dài 1,4 m, ngang 0,6 m, cao xấp xỉ với mặt mộ. Trên bàn thờ đặt lư gốm to. Chân bệ thờ hình bàn quý được kê trên bốn con kỳ lân ở tất cả bốn góc.

Phía trước khu mộ là đền thờ do Phú Trung Quý tế hội điều hành. Ông Lê Minh Hoàng cho biết ngoài những vật dụng, linh vật thường thấy trong các đình, đền Nam bộ (tượng bạch mã, cặp hạc đứng trên rùa, long, thập bát binh khí...), đền còn lưu giữ 2 sắc phong của vua Minh Mạng năm thứ 13 (1832) đề ngày 11 tháng giêng âm lịch và ngày 14 tháng 12 âm lịch, truy phong tước phẩm, ghi trên lụa vàng, đựng trong hộp gỗ cuộn vải đỏ được đặt trong khám thờ. Đặc biệt, vì Võ Di Nguy là tướng thủy binh nên trong các vật thờ cũng có một thuyền rồng. Ngoài bờ tường phần mộ Võ Di Nguy còn có bốn ngôi mộ khác. Bên phải là mộ bà Lê Thị Mười (phu nhân Võ tướng công) và mộ người con trai thứ Võ Di Thiện. Bên trái là mộ người con dâu tên Triệu Thị Đào và một mộ phần vô danh. Không chỉ vậy, cạnh hai mộ này có một giếng nước cổ.

LỄ HỘI TÍN NGƯỠNG

NGÀY 30/12 ÂM LỊCH

Cúng lễ thượng kỳ



NGÀY 15/1 ÂM LỊCH

Lễ Thổ Chủ - Khai Môn - Thượng Kỳ



NGÀY 15/11 ÂM LỊCH

Lễ cúng tiên thường giỗ
Đức Bình Giang Bá Võ Di Thái



SO SÁNH



LĂNG VÕ DI NGUY



LĂNG ỒNG BÀ CHIẾU



Lăng Võ Di Nguy có sự bề thế khi mộ được đắp bằng ô dước, nhô khỏi mặt đất khoảng 0,25 m, hình chữ nhật với kích thước 2 x 1,6 m. Bộ VH-TT đã ra quyết định công nhận Lăng Võ Di Nguy là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia (số 43-VH/QĐ ký ngày 7.1.1993). Song song đó, Ngày 06/12/1989, Bộ Văn hóa công nhận lăng Ông Bà Chiểu là di tích Lịch sử Văn hóa cấp quốc gia.

Cả hai lăng đều nằm tại khu vực TPHCM nên có địa thế đặc địa. Tuy nhiên, ở Lăng Ông Bà Chiểu có tổng diện tích là 18.500m2, lớn hơn rất nhiều so với lăng Bình Giang Quận công Võ Di Nguy. Đều thờ những vị tướng có công lớn đối với đất nước.



III. ỨNG DỤNG